

VPB - KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ - Báo cáo KQKD

Doanh Nghiệp • 17/07/2026

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) đã công bố KQKD 6T 2026 với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 43,4 nghìn tỷ đồng (+35% YoY) và LNTT hợp nhất đạt 18,9 nghìn tỷ đồng (+68% YoY), lần lượt hoàn thành 49% và 48% dự báo cả năm của chúng tôi. Riêng quý 2/2026 ghi nhận LNTT gần 11 nghìn tỷ đồng (+76% YoY; +38% QoQ). Nhìn chung, lợi nhuận 6T 2026 phù hợp với dự báo cả năm của chúng tôi, nhờ tăng trưởng tích cực của bảng cân đối kế toán và đóng góp ngày càng tăng từ các công ty con.

- **Tăng trưởng tín dụng vượt cả hệ thống và dự báo của chúng tôi:** Tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ trong 6T 2026 đạt 24,8% (trái phiếu doanh nghiệp chiếm khoảng 0,3% tổng dư nợ tín dụng), vượt xa mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,4% và hoàn thành phần lớn dự báo cả năm 35% của chúng tôi. Tăng trưởng diễn ra trên diện rộng, dẫn dắt bởi bất động sản và thương mại bán buôn & bán lẻ. Tín dụng cho chủ đầu tư bất động sản tăng khoảng 44% (chiếm 27% dư nợ cho vay) và thương mại bán buôn & bán lẻ tăng khoảng 28% (13% dư nợ), trong khi sự phục hồi của mảng bán lẻ có thêm động lực – cho vay mua nhà +10% (14% dư nợ) và cho vay hộ kinh doanh +21% (20% dư nợ).
- **Nền tảng huy động vốn vững chắc song hành với tăng trưởng tín dụng mạnh:** Huy động vốn hợp nhất (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) tăng 22,7% trong 6T 2026. Tỷ lệ CASA giảm nhẹ xuống 12,8% (-1,2 điểm % YoY & QoQ). Giấy tờ có giá tăng khoảng 58%, được thúc đẩy bởi sản phẩm Lộc Thịnh Vượng dành cho khách hàng doanh nghiệp. Trong tháng 6, VPB cũng đã thu xếp khoản vay hợp vốn liên kết bền vững đầu tiên trị giá 1,44 tỷ USD từ 15 định chế tài chính quốc tế.
- **Thanh khoản và bộ đệm vốn vẫn được kiểm soát:** Tỷ lệ LDR quy định ở mức 84,5% (gần với mức trần quy định 85%) và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (SFLR) đạt 22,4% (thấp hơn nhiều so với mức trần quy định 40%). Tỷ lệ CAR hợp nhất theo Basel II đạt khảng 13%, thuộc nhóm cao trong ngành.
- **NIM giảm nhẹ so với quý 1 do áp lực chi phí huy động vốn:** NIM 6T 2026 đạt 4,98% (-27 bps YoY), thấp hơn dự báo cả năm 5,29% của chúng tôi, do chi phí huy động vốn tăng cao lần 2 do sự cải thiện của lợi suất tài sản. NIM quý 2/2026 đạt 5,12% (-15 bps QoQ).
- **Thu nhập phí dẫn dắt kết quả thu nhập ngoài lãi (NOII) tích cực:** NOII đạt 8,5 nghìn tỷ đồng (+60,6% YoY), hoàn thành khoảng 49% dự báo cả năm của chúng tôi. Kết quả này được hỗ trợ bởi thu nhập phí ròng đạt 5,6 nghìn tỷ đồng (+121% YoY), với đóng góp từ cả ngân hàng mẹ và các công ty con, cùng thu nhập từ thu hồi các khoản nợ đã xóa đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (+26% YoY). Kết quả này một phần bị bù trừ bởi khoản lỗ ròng từ kinh doanh ngoại

hối 1,3 nghìn tỷ đồng (so với mức lãi trong 6T 2025) và thu nhập từ kinh doanh chứng khoán suy giảm.

- **Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) đạt mức thấp nhất nhiều năm kể từ 2022:** CIR được duy trì ở mức 20,6% (-5,2 điểm % YoY), thấp hơn dự báo cả năm 22,5% của chúng tôi và thuộc nhóm thấp nhất trong danh mục theo dõi của chúng tôi.
- **Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục cải thiện trong khi nợ nhóm 2 nhích lên trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng mạnh:** Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất giảm xuống 3,28% (-30 điểm cơ bản QoQ; -69 điểm cơ bản YoY). Nợ nhóm 2 ở mức 3,17% (+6 điểm cơ bản QoQ; +13 điểm cơ bản YoY). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) tăng lên 56,2% (+3,8 điểm % QoQ; +4,0 điểm % YoY), qua đó cho thấy những thách thức tiềm ẩn trong việc hình thành nợ xấu trong nửa cuối năm 2026 trong bối cảnh lãi suất vẫn ở mức cao.
- OPES ghi nhận LNTT 6T 2026 đạt 613 tỷ đồng (gần gấp 3 lần YoY), được hỗ trợ bởi phí bảo hiểm gốc tăng trưởng tích cực và kênh phân phối qua hệ sinh thái của VPB. Trong khi đó, GPBank (ngân hàng yếu kém được VPB hỗ trợ, không hợp nhất) ghi nhận LNTT 6T 2026 hơn 730 tỷ đồng – gần gấp 1,5 lần kết quả năm 2025).
- FE Credit: LNTT 6T 2026 của FEC đạt gần 153 tỷ đồng so với khoảng 611 tỷ đồng của cả năm 2025. Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng khả năng sinh lời sẽ cải thiện trong nửa cuối năm nhờ yếu tố mùa vụ, mặc dù lãi suất cao và diễn biến hiện tại cho thấy rủi ro giảm tiềm ẩn đối với dự báo LNTT cả năm 2026 là 823 tỷ đồng (+35% YoY) của chúng tôi, nhưng không ảnh hưởng đáng kể đến dự báo hợp nhất của tập đoàn. Theo ước tính của chúng tôi, tăng trưởng cho vay quý 2/2026 đi ngang QoQ (khoảng 6% trong 6T 2026) với tỷ lệ nợ xấu ở mức 19% (+1 điểm % QoQ; -1 điểm % YoY).
- VPX (VPBankS) ghi nhận LNTT 6T 2026 đạt 2.673 tỷ đồng (tăng gần gấp ba lần so với cùng kỳ), được dẫn dắt bởi hoạt động cho vay ký quỹ mạnh mẽ và mảng ngân hàng đầu tư đang mở rộng, đồng thời vươn lên Top 8 công ty chứng khoán về thị phần trên HoSE. Kết quả này hoàn thành khoảng 42% dự báo cả năm cho VPX là 6,3 nghìn tỷ đồng của chúng tôi, tăng tốc đáng kể sau khi quý 1 chỉ hoàn thành 8% kế hoạch. Dư nợ cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng trong 6T 2026 đạt 38,2 nghìn tỷ đồng (+12% so với cuối năm 2025), được hỗ trợ bởi các sản phẩm cạnh tranh, sức mạnh hệ sinh thái và nền tảng vốn vững chắc. Trong quý 2, VPX cũng đã hoàn tất việc mua lại 11% cổ phần tại một công ty quản lý quỹ, qua đó củng cố năng lực quản lý tài sản của VPB.

Hình 1: KQKD hợp nhất 6T 2026 của VPB

tỷ đồng	6T 2025	6T 2026	YoY	Quý 2 /2025	Quý 2 /2026	YoY
Thu nhập lãi ròng	26.834	34.934	30,2%	13.452	17.973	33,6%

Thu nhập ngoài lãi	5.266	8.458	60,6%	2.885	5.510	91,0%
Tổng thu nhập HĐ (TOI)	32.101	43.392	35,2%	16.337	23.484	43,7%
Chi phí hoạt động (OPEX)	(8.278)	(8.932)	7,9%	(4.206)	(4.614)	9,7%
LN trước dự phòng (PPOP)	23.822	34.459	44,7%	12.130	18.870	55,6%
Chi phí dự phòng	(12.593)	(15.579)	23,7%	(5.916)	(7.910)	33,7%
LNTT	11.229	18.880	68,1%	6.215	10.959	76,3%
LNST-CĐTS	8.757	14.583	66,5%	4.937	8.776	77,7%
Tăng trưởng cho vay**	18,8%	23,0%	4,2 điểm %	13,6%	11,6%	-2,0 điểm %
Tăng trưởng huy động**	23,7%	16,7%	-7,0 điểm %	8,8%	7,3%	-1,4 điểm %
NIM	5,25%	4,98%	-27 đcb	5,27%	5,12%	-14 đcb
Lợi suất tài sản sinh lãi	8,93%	9,68%	75 đcb	9,17%	10,37%	120 đcb
Chi phí huy động vốn	4,35%	5,54%	119 đcb	4,61%	6,17%	156 đcb
Tỷ lệ CASA*	13,9%	12,8%	-1,2 điểm %	13,9%	12,8%	-1,2 điểm %

Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	14,2%	14,3%	0,1 điểm %	14,2%	14,3%	0,1 điểm %
CIR	25,8%	20,6%	-5,2 điểm %	25,7%	19,6%	-6,1 điểm %
Nợ xấu/cho vay	3,97%	3,28%	-69 đcb	3,97%	3,28%	-69 đcb
Nợ nhóm 2/cho vay	3,03%	3,17%	13 đcb	3,03%	3,17%	13 đcb
Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	0,96%	1,48%	52 đcb	0,96%	1,48%	52 đcb

Nguồn: VPB, Vietcap – *Quy mô CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ; **Tăng trưởng cho vay và huy động quý 2/2026 và quý 2/2025 là tăng trưởng QoQ. Tăng trưởng cho vay và huy động 6T 2025 và 6T 2026 là tăng trưởng 6 tháng.

Hình 2: KQKD riêng lẻ 6T 2026 của VPB

tỷ đồng	6T 2025	6T 2026	YoY	Quý 2 /2025	Quý 2 /2026	YoY
Thu nhập lãi ròng	20.074	27.404	36,5%	9.970	14.287	43,3%
Thu nhập ngoài lãi	3.412	4.237	24,2%	1.980	2.192	10,7%
Tổng thu nhập HD (TOI)	23.486	31.641	34,7%	12.158	16.479	35,5%
Chi phí hoạt động (OPEX)	(5.901)	(6.653)	12,7%	(3.058)	(3.408)	11,4%
LN trước dự phòng (PPOP)	17.585	24.988	42,1%	9.100	13.071	43,6%
Chi phí dự phòng	(6.890)	(9.421)	36,7%	(3.347)	(4.888)	46,1%

LNTT	10.695	15.567	45,5%	5.753	8.183	42,2%
LNST-CĐTS	8.598	12.453	44,8%	4.644	6.547	41,0%
Tăng trưởng cho vay**	20,8%	24,8%	4,1 điểm %	14,7%	12,6%	-2,2 điểm %
Tăng trưởng huy động**	26,8%	15,9%	-10,9 điểm %	11,1%	7,1%	-4,0 điểm %
NIM	4,14%	4,19%	5 đcb	4,12%	4,37%	26 đcb
Lợi suất tài sản sinh lãi	7,75%	8,86%	111 đcb	7,94%	9,60%	166 đcb
Chi phí huy động vốn	4,20%	5,34%	114 đcb	4,45%	5,98%	153 đcb
Tỷ lệ CASA*	16,0%	14,2%	-1,8 điểm %	16,0%	14,2%	-1,8 điểm %
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	16,3%	15,7%	-0,5 điểm %	16,3%	15,7%	-0,5 điểm %
CIR	25,1%	21,0%	-4,1 điểm %	25,2%	20,7%	-4,5 điểm %
Nợ xấu/cho vay	2,81%	2,41%	-40 đcb	2,81%	2,41%	-40 đcb
Nợ nhóm 2/cho vay	2,67%	3,05%	38 đcb	2,67%	3,05%	38 đcb

Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	0,86%	1,38%	52 đcb	0,86%	1,38%	52 đcb
-----------------------------	-------	-------	--------	-------	-------	--------

Nguồn: VPB, Vietcap – *Quy mô CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi ký quỹ; **Tăng trưởng cho vay và huy động quý 2/2026 và quý 2/2025 là tăng trưởng QoQ. Tăng trưởng cho vay và huy động 6T 2025 và 6T 2026 là tăng trưởng 6 tháng.

